FireAnt

CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCOM: HPI)

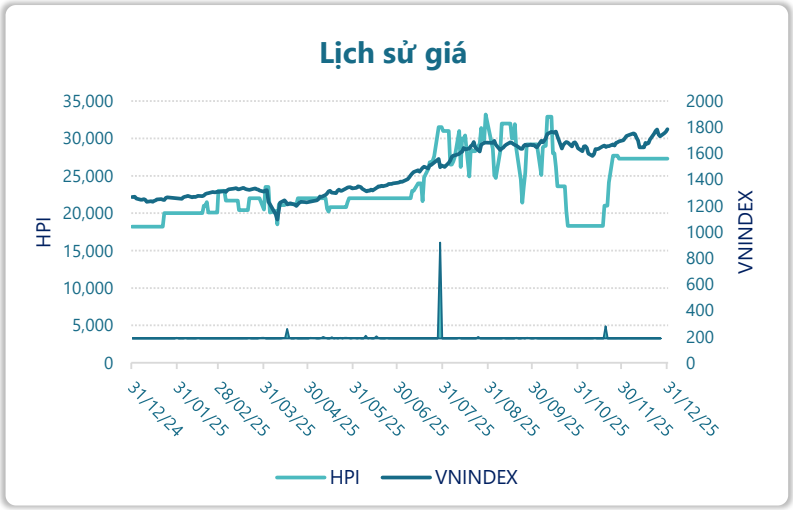

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,200
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,638
P/E	247.6
EPS	110

DT thuần

Q4/25

5.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.78| 42.5%

YoY: ▼11.8| -66.5%

LN sau thuế

Q4/25

-12.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.7| -303%

YoY: ▼27.3| -185%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

24.1%

+/- YoY: ▼ 175%

DT thuần

2025

55.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.3| 67.0%

LN sau thuế

2025

6.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼59.6| -90.0%

ROE

2025

1.5%

+/- YoY: ▼ 15.2%

Kết quả kinh doanh

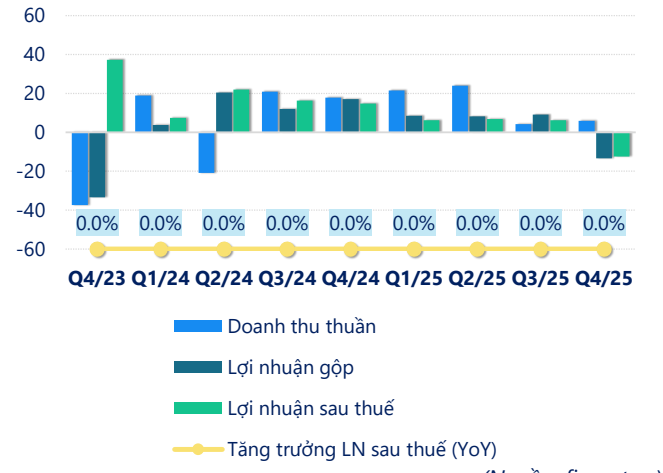

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

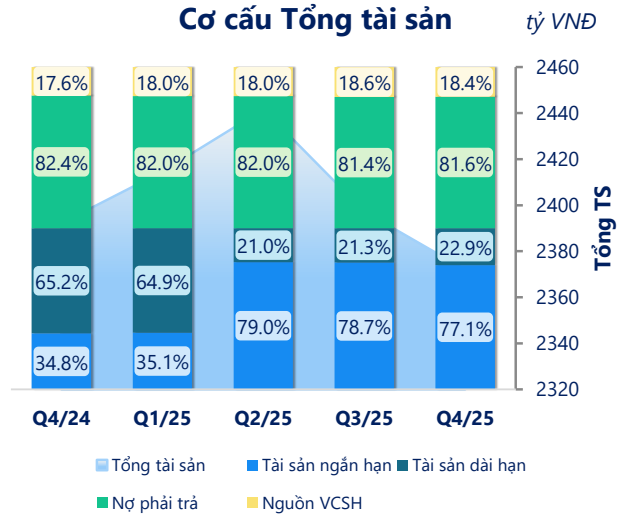

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

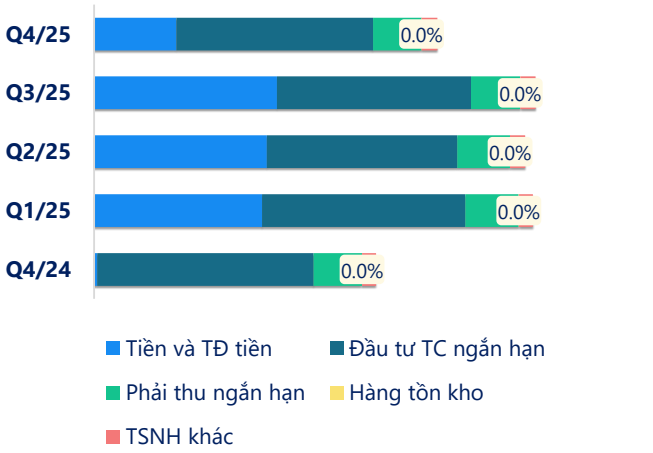

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

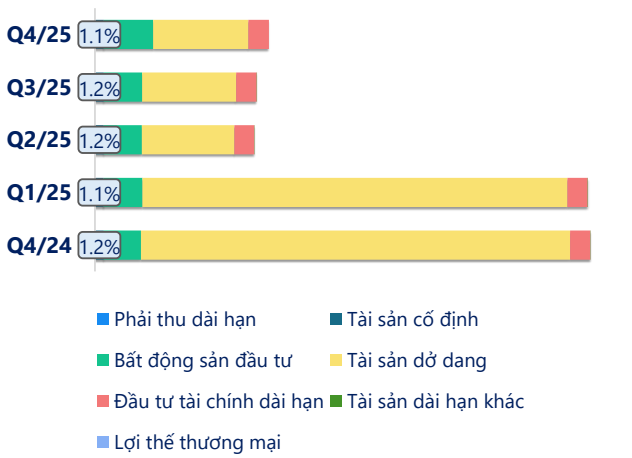

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

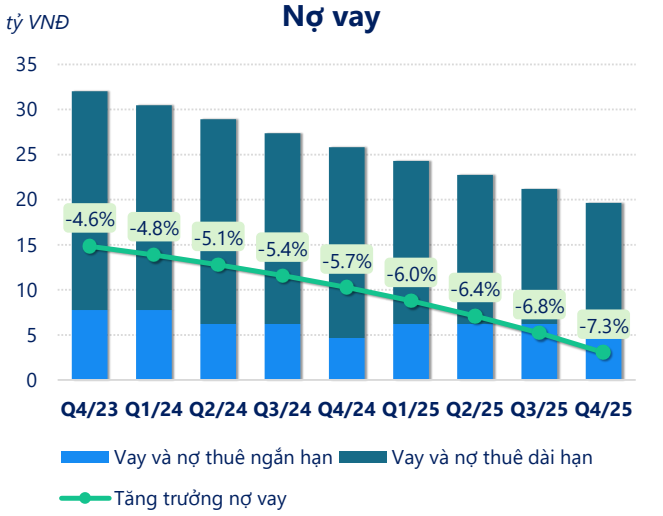

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

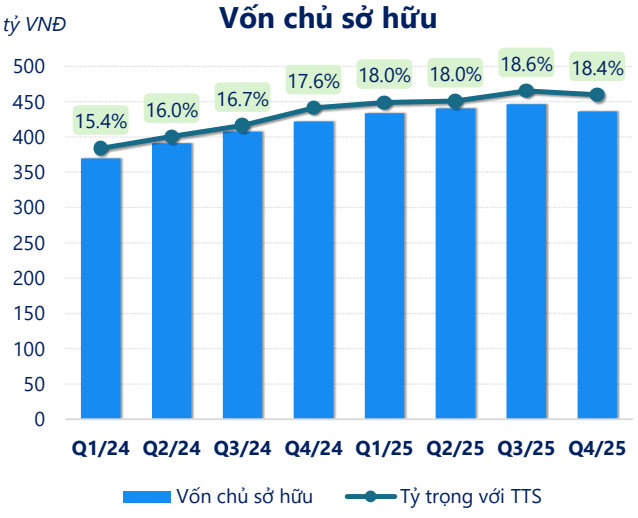

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

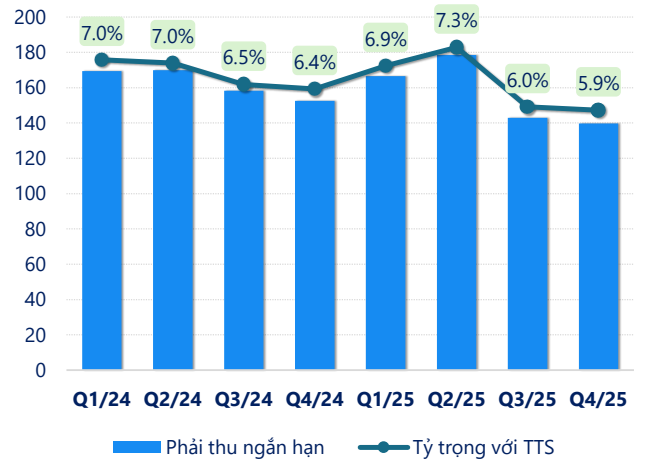

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

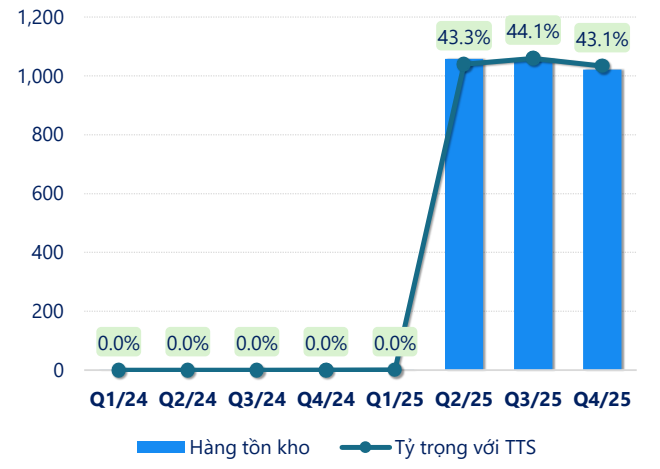

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

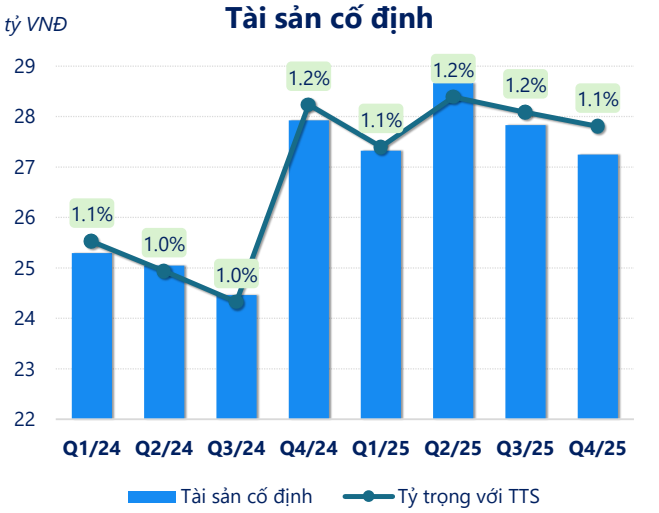

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

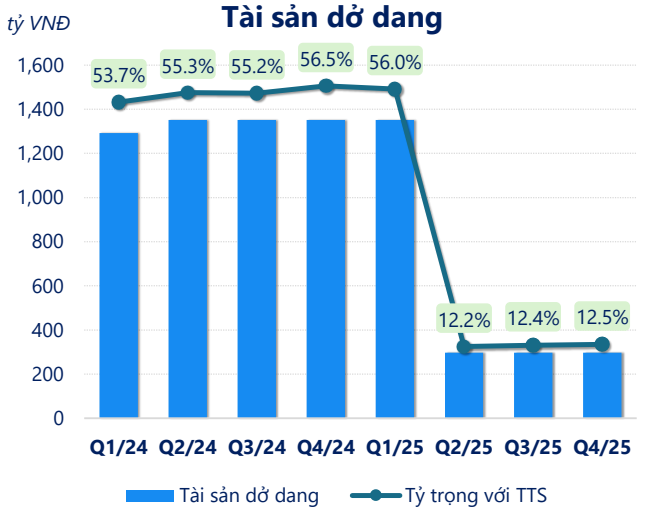

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

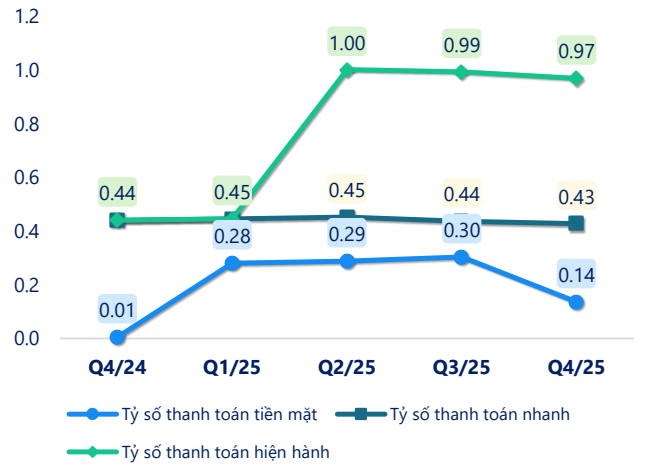

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

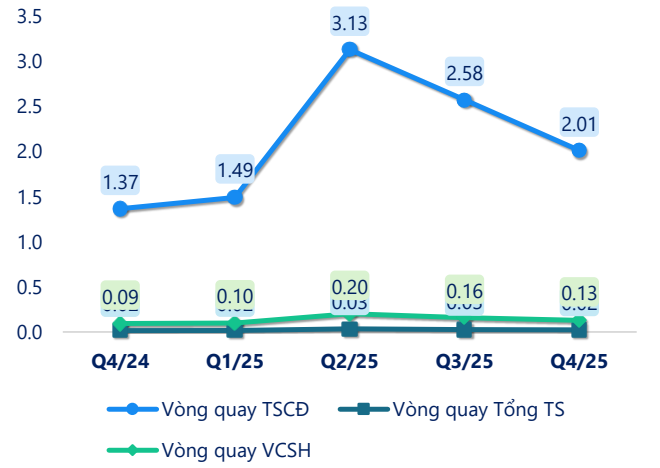

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,392**	**2,415**	**2,442**	**2,397**	**2,372**
Tài sản ngắn hạn	**832**	**849**	**1,929**	**1,887**	**1,829**
Tiền và tương đương tiền	10.1	534	555	577	257
Đầu tư tài chính ngắn hạn	620	100	92.3	65.3	363
Phải thu ngắn hạn	152	166	179	143	140
Hàng tồn kho	0.23	0.31	1,058	1,058	1,021
Tài sản ngắn hạn khác	49.3	47.1	44.8	43.9	48.0
Tài sản dài hạn	**1,560**	**1,566**	**513**	**510**	**543**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	27.9	27.3	28.7	27.8	27.2
Bất động sản đầu tư	117	123	122	121	154
Tài sản dở dang	1,351	1,351	298	298	298
Đầu tư tài chính dài hạn	63.9	64.0	64.0	64.0	64.0
Tài sản dài hạn khác	0.31	0.04	0.01	0.02	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,970**	**1,981**	**2,001**	**1,951**	**1,936**
Nợ ngắn hạn	**1,889**	**1,903**	**1,926**	**1,898**	**1,886**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.64	6.19	6.19	6.19	6.19
Phải trả người bán ngắn hạn	4.33	1.52	3.72	3.01	6.27
Nợ dài hạn	81.2	77.7	75.8	52.7	49.2
Vay và nợ thuê dài hạn	21.2	18.1	16.5	15.0	13.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**422**	**434**	**440**	**446**	**436**
Vốn chủ sở hữu	**422**	**434**	**440**	**446**	**436**
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)